

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất; Chuyên ngành: Địa lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Thị Thu Hiền

2. Ngày tháng năm sinh: 27/01/1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Văn Yên, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 40, Ngõ 562, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 40, Ngõ 562, Đường Thụy Khuê, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại di động: 0989146219; E-mail: hientuanphuong@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể)
1998-1999	Làm việc tại Dự án hợp tác quốc tế Việt- EU “Xây dựng năng lực quản lý môi trường ở Việt Nam”. Mã số VNM/B7-6200/IB/96/05, Thực hiện bởi các đối tác: Viện Địa lý và Đại học Tự do Brussel, Bỉ
01/07/1999- 31/01/2003	Cán bộ nghiên cứu hợp đồng Công tác tại phòng Sinh thái Cảnh quan, Viện Địa lý – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
01/02/2003 - 01/4/2007	Được tuyển vào Biên chế; Giữ ngạch: nghiên cứu viên; Công tác tại Phòng Sinh thái Cảnh quan, Viện Địa lý – Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
01/4/2007-nay	Điều động công tác tại Phòng Viễn thám, Bản đồ và Hệ thông tin địa lý; Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
01/11/2011-nay	Được bổ nhiệm là Phó trưởng phòng
24/5/2010- 6/2017	Đoàn thể: Ủy viên ban kiểm tra công đoàn cơ sở Viện Địa lý; Ủy viên Ban chấp hành công đoàn cơ sở Viện Địa lý, Trưởng ban kiểm tra công đoàn cơ sở Viện Địa lý
9/2011- nay	Giữ ngạch: Nghiên cứu viên chính
7/2013 – nay	Ủy viên Hội đồng Khoa học Viện Địa lý các nhiệm kỳ 2013-2016; 2016-2018; 2018-2021 Thư ký Hội đồng khoa học Viện Địa lý nhiệm kỳ: 2018-2021
5/2014 - nay	Phó tổng biên tập, Tạp chí quốc tế Môi trường và phát triển bền vững, NXB Springer (Environment, Development and Sustainability) - Tạp chí trong danh mục SCI-E từ 2016-nay với chỉ số IF =1.676 (2018); = 2.7 (2019)
4/2016- nay	Ủy viên Hội đồng biên tập Tạp chí Các khoa học về Trái đất, nhiệm kỳ 2016-2020
6/2017-nay	Kiêm nhiệm: Phó trưởng khoa, Khoa Địa lý, Học Viện Khoa học và Công nghệ Thành viên Hội đồng Khoa Địa lý các nhiệm kỳ 2017 – 2019; 2019 – 2022

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Nhà A27, 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, HN

Điện thoại cơ quan: 024.38362607 ; hoặc 024.37563539

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- 1) Trường Đại học Khoa học - Đại Học Thái Nguyên,
- 2) Khoa Địa lý Địa chính – Đại học Quy Nhơn,
- 3) Khoa Địa lý - Học viện Khoa học Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,
- 4) Cơ sở đào tạo sau đại học Viện Địa lý (trước khi Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam được thành lập)

8. Đã nghỉ hưu từ : Hiện vẫn đang công tác

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- 1) Trường Đại học Khoa học - Đại Học Thái Nguyên:
- 2) Trường Đại học Quy Nhơn:
- 3) Học viện Khoa học Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 04 tháng 8 năm 1994, ngành: Địa lý, chuyên ngành: Địa lý tự nhiên

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 4 năm 1998, ngành: Khoa học Môi trường

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 5 năm 2007, ngành: Địa lý, chuyên ngành: Bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa được bổ nhiệm lần nào

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Liên ngành Khoa học Trái đất – Mỏ, Học viện Khoa học Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: HĐGS liên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Địa lý tự nhiên
- Địa lý tài nguyên và môi trường
- Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS và đã được cấp bằng tiến sĩ
 - Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và đã được cấp bằng
- Tổng số đề tài, dự án đã thực hiện: 31 đề tài, trong đó:
- Đã làm chủ nhiệm 01 đề tài KH&CN cấp Quốc gia đã được nghiệm thu
 - Đã làm chủ nhiệm 02 đề tài KH&CN cấp Bộ (Cấp viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) đã được nghiệm thu
 - Là thư ký khoa học của 03 đề tài KH&CN cấp Quốc gia, trong đó có 02 đề tài theo chương trình hợp tác khoa học nghị định thư với Bỉ và Ấn Độ, đã được nghiệm thu; và 01 đề tài thuộc Chương trình độc lập cấp Nhà nước đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 5/2020;
 - Tham gia chính trong 25 đề tài KH&CN cấp Quốc gia và đề tài KH&CN cấp Bộ đã được nghiệm thu.
 - Đã công bố 44 bài báo KH, trong đó có 05 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó có tạp chí thuộc nhóm Q1), 08 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc gia, 18 báo cáo khoa học trong các kỳ yếu hội nghị khoa học quốc gia; 17 báo cáo khoa học trong các kỳ yếu hội nghị khoa học quốc tế.
 - Đã được cấp 01 bằng bản quyền tác giả và sở hữu trí tuệ

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo : Giải nhì Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 1994, do Bộ trưởng Trần Hồng Quân đã ký;
- Đã từng đạt các danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Lao động tiên tiến.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Tôi chưa từng bị kỷ luật ở bất kỳ hình thức nào.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo các Tiêu chuẩn của Nhà giáo quy định tại Khoản 2 Điều 70 Luật Giáo dục năm 2005, tôi thấy mình đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định với những ý kiến tự đánh giá như sau:

- Có phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt; luôn không ngừng tự rèn luyện và tu dưỡng bản thân và luôn đề cao tính trung thực, khách quan; có tinh thần hợp tác khoa học và giúp đỡ các đồng nghiệp trong công tác giáo dục giảng dạy, trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ cũng như trong cuộc sống.

- Tôi đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn tại các trường đại học và viện nghiên cứu khi thực tập, nghiên cứu nâng cao trình độ ở trong nước và nước ngoài. Về nghiệp vụ, tôi đã được đào tạo cơ bản qua các bậc đào tạo, từ đại học, sau đại học và tiến sĩ. Bên cạnh đó tôi luôn phấn đấu học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn ở trong nước cũng như ở nước ngoài; tham gia các buổi hội thảo, sinh hoạt học thuật, các buổi hội thảo trong nước và quốc tế... Ngoài ra, tôi còn tham gia trong công tác xuất bản trong các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước công việc này giúp tôi rất nhiều trong việc cập nhật các kiến thức mới chuyên ngành, bổ sung cho công tác nghiên cứu và giảng dạy của mình.

- Bản thân tôi có sức khoẻ tốt, có thể đáp ứng việc tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, HVCH và NCS và làm các công việc khác của nhà giáo theo yêu cầu của nghề nghiệp.

- Tôi có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Qua một khoản thời gian dài làm công các nghiên cứu và 7 năm liên tục tham gia công tác đào tạo và hướng dẫn luận văn HVCN và luận án của NCS tại Viện Địa lý, cũng là Khoa Địa lý và ở các cơ sở đào tạo đại học gồm: Trường ĐH Khoa học- Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Quy Nhơn, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, tôi đã luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thực hiện tốt các yêu cầu và nhiệm vụ của Nhà giáo được quy định trong Điều 72 Luật Giáo dục như:

- Thực hiện nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như các quy định của các cơ sở giáo dục mà bản thân tôi đã tham gia giảng dạy với vai trò là Giảng viên thỉnh giảng.

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường.

- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học.

- Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học.

- Tôi luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ công dân theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 07 niên học

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ	ĐH đã HD	ĐH	SĐH		
1	2013-2014	-	-	01	-	-	120	190
2	2014-2015	-	2	-	-	-	120	154
3	2015-2016	-	2	01	-	-	-	104
4	2016-2017	-	2	-	-	108	30	142
3 năm học cuối								
5	2017-2018	-	1	-	-	144	90	251
6	2018-2019	-	-	-	-		247.5	247.5
7	2019-2020	-	-	2	-	-	90	230

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

- Đọc hiểu được bài báo và các tài liệu chuyên môn, cụ thể có các minh chứng kèm theo như sau:

+ Thực tập khoa học trong chương trình đào tạo tiến sĩ tại Đại học Tự do - Bỉ từ năm 2000 đến 2003. Trong thời gian thực tập vừa nghiên cứu, học tập vừa làm công tác giảng dạy hướng dẫn cho sinh viên tại Bộ môn Sinh thái Nhân văn, Trường Đại học VUB (thư xác nhận của Chủ nhiệm Bộ môn và Hợp đồng)

+ Đã có những công bố quốc tế đăng trên các tạp chí thuộc danh mục SCI và SCI-E có chỉ số cao: SJR 2019 = 1.45 (Q1); H-index = 20; Impact factor IF = 5.209.

+ Hiện nay làm việc trong 2 tạp chí chuyên ngành (tạp chí Tiếng Anh)

Từ tháng 4/2014 đến nay là thành viên trong Ban biên tập Tạp chí Các Khoa học về Trái đất. Hiện nay tạp chí đã được vào trong danh mục eSCI của web of science

Từ tháng 5/2014 đến nay là phó tổng biên tập tạp chí quốc tế: Environment, Development and Sustainability. Tạp chí trong danh mục SCI-E. Impact factor = 2.7 (2019); 1.676 (2018).

- Trình bày, thảo luận (nghe, nói) chuyên môn bằng ngoại ngữ (Tiếng Anh)

+ Trình bày 01 báo cáo tại hội nghị quốc tế: International conference “Understanding the changing space, place and cultures of Asia” Southeast Asian Geography Association (SEAGA) 2010, 23-26 November 2010, in Hanoi, Vietnam

+ Thành viên trong tổ thư ký ban tổ chức hội nghị quốc tế: The 9th International conference on geoinformation for disaster management”, 9-11 december 2013, in Hanoi, Vietnam

+ Trình bày 02 báo cáo tại hội nghị quốc tế: “ICEO&SI 2017: International conference on Earth observations and societal impacts”, 25th – 27th June 2017, in Taiwan, China

+ Thành viên trong ban thư ký tổ chức hội nghị quốc tế: Hội nghị quốc tế về Quan trắc trái đất và các nguy cơ tai biến thiên nhiên năm 2017: ICEO&HN 2017”, ngày 21 đến 26 tháng 11 năm 2017 tại Viện Địa lý, Hà Nội, Việt Nam

+ Chair trong Session 3: Geo-hazards của Hội nghị ICEO&HN2017

+ Thành viên trong Ban Truyền thông và ban thư ký của Hội nghị quốc tế về Quan trắc Trái đất và các nguy cơ tai biến thiên nhiên năm 2019: ICEO&HN 2019”, ngày 18 đến 22 tháng 11 năm 2019, tại Viện Địa lý, Hà Nội, Việt Nam

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C, cấp tại Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội

- Chứng nhận đã hoàn thành “Khóa đào tạo kỹ năng phiên dịch dành cho công chức, viên chức các bộ, ngành” do trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngoại giao, Học viện Ngoại giao tổ chức, từ ngày 16/7 đến 24/8 năm 2018.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Phùng Văn Tiên QĐ cán bộ hướng dẫn số 1874/QĐ-ĐHSPHN ngày 25/5/2012		x	x		2013	Đại học Sư pham Hà Nội	22/7/2013 Số hiệu: A052274. Số vào sổ: 11194.
2	Trần Thanh Long QĐ cán bộ hướng dẫn số 1501/QĐ-ĐHKHTN ngày 09/5/2014		x	x		2015	Đại học Khoa học Tự nhiên	Số 544 QĐ- ĐHKHTN ngày 15/3/2016 Số hiệu bằng: QM028023. Số vào sổ: 5344/16/TN
3	Trần Thị Hằng QĐ số 248a/QĐ-DL ngày 19/12/2014	x			x	2014- 2017	Học viện Khoa học và Công nghệ	05/7/2017 Số hiệu bằng: 0094 Số vào sổ cấp bằng: 094/TS
4	Khưu Thị Mỹ Dân QĐ cán bộ hướng dẫn Số 9817 /QĐ- ĐHSPHN ngày 04/12/2018		x	x		2019	Đại học Sư pham Hà Nội	21/1/2020. Số hiệu: B000430 Số vào sổ: 20498
5	Lê Thanh Bách QĐ cán bộ hướng dẫn Số 9817 /QĐ- ĐHSPHN ngày 04/12/2018		x	x		2019	Đại học Sư pham Hà Nội	21/1/2020. Số hiệu: B000427 Số vào sổ: 20495

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biện soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I. Giai đoạn 1: Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
1	Ứng dụng Viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong Quy hoạch Môi trường Phần III.1: Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch phát triển thành phố Hạ Long và vùng lân cận	CK TK	Công ty in Tiên Bộ, GPXB số: 144/QĐ-CXB, 1999	4		275-283	- Giấy xác nhận ngày 19/6/2020 của Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên
							- Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Tiếng Việt: Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho phát triển du lịch Tiếng Anh: Tiếng Anh: Guideline book for environmental impact assessment of tourism development	CK TK	Nhà máy in Tiên Bộ, GPXBn số 58/QĐ-CXB của Cục Xuất bản, 2000	9		44-53	- Giấy xác nhận ngày 19/6/2020 của Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên - Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội
3	Tiếng Việt: Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho đồ án quy hoạch đô thị Tiếng Anh: Guideline book for environmental impact assessment of urban planning	TK	Nhà máy in Tiên Bộ, Giấy phép xuất bản Số 08/QĐ-CXB, ngày 6/1/2000 của Cục Xuất bản	26			- Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biện soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&H (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
4	Tiếng Việt: Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường chung các dự án phát triển Tiếng Anh: General guideline book for environmental impact assessment of development projects	TK	Nhà máy in Tiền Bộ, Giấy phép xuất bản Số 117/QĐ-CXB, ngày 21/6/2000 của Cục Xuất bản	17			- Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội
II. Giai đoạn 2: Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ							
5	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hoang mạc hóa tới môi trường tỉnh Bình Thuận	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-104-2, 2013	4		73-229	- Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội
6	Mức độ tổn thương do biến đổi khí hậu của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ	CK	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISBN: 978-604-913-823-2, 2019	7		45-64 197-270	- Giấy xác nhận ngày 19/6/2020 của Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên - Giấy xác nhận ngày 16/6/2020 của Cơ sở giáo dục sau đại học Viện Tài nguyên môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong đó, có 02 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ				
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tham gia là thành viên chính (TVC)					
1.	Đề án “Xây dựng Năng lực quản lý môi trường ở Việt Nam”	TVC	Dự án hợp tác quốc tế Việt- EU	1997-2000	2000/ Xuất sắc
2.	Nghiên cứu xây dựng giải pháp tổng thể sử dụng hợp lý các dải cát ven biển miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận	TVC	Mã số KC.08.21 Cấp nhà nước	2004-2005	2005/ Xuất sắc
3.	Điều tra khảo sát sự phân tán chất độc da cam ở các huyện Nam Giang, Hiệp Đức, Bắc Trà My tỉnh Quảng Nam	TVC	Đề tài cấp Bộ TN&MT	2005-2006	2006 / Xuất sắc
4.	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài nguyên rừng cho các cán bộ kiểm lâm của khu vực phía Bắc. Nhiệm vụ: - Chủ trì nội dung: Viết bài giảng và hướng dẫn về ứng dụng GIS, GPS, sử dụng ảnh vệ tinh trong quản lý rừng - Tham gia nội dung: Lập trình Công cụ “Gibbons tool”: quản lý Vượn và hướng dẫn sử dụng	TVC	Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ: Hợp tác giữa Viện Địa lý và Tổ chức FFI	2006	2006/ Đạt
5.	Đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài nguyên rừng cho các cán bộ kiểm lâm Nhiệm vụ: - Chủ trì nội dung: viết bài giảng và hướng dẫn về ứng dụng GIS, GPS trong quản lý rừng - Chủ trì nội dung: Lập trình Công cụ “CatbaGIS tool”: quản lý tài nguyên rừng; và hướng dẫn sử dụng		Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ: Hợp tác giữa Viện Địa lý và tổ chức APAP	2006-2007	2007/ Đạt
II	Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ				
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã chủ nhiệm (CN); hoặc là thư ký (TK)					
6.	Ứng dụng viễn thám và GIS, nghiên cứu các loại hình tai biến địa chất trượt lở đất,	CN	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ	2009-2010	2011

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	lũ quét, ngập úng dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh		Việt Nam		/Xuất sắc
7.	Nghiên cứu, đánh giá tình trạng hạn hán, thiếu nước và đề xuất giải pháp bảo đảm nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Đăk Nông	CN	Đề tài cấp Nhà nước	2009-2011	2012 / Khá
8.	Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá và dự báo nhạy cảm hoang mạc hóa cho các huyện ven biển tỉnh Bình Thuận	CN	VAST.ĐLT 13/13-14, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	2013-2015	2015 / Đạt
9.	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp viễn thám InSAR vi phân trong quan trắc lún đất do khai thác nước ngầm	TK	Đề tài cấp Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2008-2009	2010 / Xuất sắc
10.	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu và hoang mạc hóa đến môi trường và xã hội ở khu vực Nam Trung Bộ (Nghiên cứu thí điểm cho tỉnh Bình Thuận)	TK	Đề tài cấp Nhà nước: Hợp tác song phương giữa Việt Nam và Bỉ	2010-2011	2012 / Đạt
11.	Nghiên cứu, xác định các khu vực khô hạn nhạy cảm dưới tác động của biến đổi khí hậu bằng công nghệ Địa tin học cho khu vực Nam trung bộ (nghiên cứu thí điểm cho tỉnh Ninh Thuận)	TK	Đề tài cấp Nhà nước: Hợp tác song phương giữa Việt Nam và Ấn Độ	2013-2014	2014 / Đạt
12.	Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An	TK	Chương trình độc lập cấp Nhà nước	2016-2019	Nghiệm thu cấp cơ sở 5/2020 /Đạt
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã tham gia là thành viên chính (TVC)					
13.	Nghiên cứu và xây dựng mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	TVC	Mã số: BĐKH-32 Đề tài cấp Nhà nước: Chương trình BĐKH	2013-2015	2015 / Đạt
14.	Đánh giá mức độ tổn thương của các hệ thống kinh tế xã hội do tác động của biến đổi khí hậu tại vùng Bắc trung bộ (thí điểm	TVC	Mã số: BĐKH11-15 Đề tài cấp Nhà nước: Chương trình BĐKH	2013-2015	2015 / Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	cho tỉnh Hà Tĩnh)				
15.	Đánh giá tác động của tai biến ở khu vực phía bắc Việt Nam	TVC	Hợp tác giữa Việt Nam và Na Uy	2011-2014	2014/ Đạt
16.	Điều tra, đánh giá mức độ tổn thương tài nguyên môi trường vùng biển từ Thanh Hóa đến Bình Thuận đến 100m nước	TVC	Đề án 47	2010-2015	2015/ Đạt
17.	Ứng dụng công nghệ GIS trong việc đánh giá thoái hóa đất tiềm năng, đề xuất giải pháp giảm thiểu, phục vụ quy hoạch phát triển bền vững khu vực Đăk Nông	TVC	VAST09.03/ 11-12 Đề tài cấp Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2011 - 2012	2012 / Khá
18.	Nghiên cứu, đánh giá mức độ tổn thương vũng vịnh ven bờ Việt Nam phục vụ phát triển bền vững (lấy ví dụ vịnh Chân Mây)	TVC	Mã số 105.09. 82.09 Đề tài nghiên cứu cơ bản NAFOSTED, cấp Nhà nước	2009-2012	2012 / Đạt
19.	Dự án thành phần 5: Điều tra, đánh giá tổng hợp mức độ tổn thương tài nguyên – môi trường vùng biển và đới ven biển Việt Nam, đề xuất các giải pháp phát triển bền vững	TVC	Dự án cấp Nhà nước	2009-2010	2010 / Đạt
20.	Điều tra đánh giá tài nguyên môi trường các vũng vịnh trọng điểm ven bờ phục vụ phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường	TVC	Mã số: KC.09.05/06-10 Đề tài cấp NN: KC.09	2008-2009	2009 / Đạt
21.	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đánh giá và dự báo quá trình di trú CDDHH/DIOXIN tại vùng Gio Linh – Cam Lộ (tỉnh Quảng Trị) trên cơ sở hệ thông tin địa lý	TVC	Đề tài cấp Nhà nước về Sự nghiệp bảo vệ môi trường	2008-2009	2010/ Xuất sắc
22.	Nghiên cứu triển khai công nghệ dự báo trực tuyến về diện và mức độ ngập lụt một số lưu vực sông miền Trung	TVC	Đề tài cấp Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2007-2008	2008 / Xuất sắc
23.	Khảo sát, điều tra sự phân tán chất độc màu da cam ở huyện Nam Giang, Hiệp Đức và Trà My (tỉnh Quảng Nam)	TVC	Đề tài cấp Nhà nước	2007-2008	2008 / Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
24.	Điều tra, đánh giá ảnh hưởng của thiên tai (bão, lũ, lụt) đến môi trường và đề xuất giải pháp trước mắt và lâu dài nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm tại các vùng đồng dân cư, phân lũ, thoát lũ và khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ lụt	TVC	Đề tài cấp Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam	2007-2008	2008 / Xuất sắc
25.	Đánh giá về mặt độc học sinh thái, quá trình biến động môi trường sống do ảnh hưởng của chất độc da cam của quân đội Mỹ rải trên quy mô lớn và xác định các yếu tố (tác nhân) hình thành bệnh lý dioxin ở tỉnh Quảng Trị	TVC	Đề tài cấp NN: Hợp tác giữa VN-LB Nga	2007-2008	2008 / Xuất sắc
26.	Nghiên cứu, dự báo tai biến trượt lở đất bằng công nghệ hệ thông tin địa lý	TVC	Mã số: 700806 Đề tài khoa học cơ bản cấp Nhà nước	2006-2008	2008 / Xuất sắc
27.	Tập bản đồ băng rải và mật độ chất độc da cam/dioxin do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam	TVC	Thuộc Chương trình trọng điểm Nhà nước “Chương trình 35”	2008	2008/ Đạt
28.	Nghiên cứu đề xuất mô hình, giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên địa chất đới duyên hải (lấy ví dụ vùng Phan Thiết - Vũng Tàu)	TVC	Mã số: QG.05 -27 Đề tài cấp Nhà nước	2006-2007	2007 / Đạt
29.	Nghiên cứu, triển khai công nghệ dự báo trực tuyến về diện và mức độ ngập lụt một số lưu vực sông miền Trung	TVC	Đề tài cấp Viện KH&CN Việt Nam	2006-2007	2007 / Xuất sắc
30.	Nghiên cứu đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên nước dưới đất ở vùng cát ven biển Bắc Quảng Bình nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững	TVC	Đề tài cấp tỉnh	2006-2007	2007 / Xuất sắc

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thu ký. TVC: Thành viên chính

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ								
Các công trình là tác giả chính								
1.	A Geographical Information System (GIS) Database for Environmental Planning and Management in the Hai Phong/Ha Long Coastal Area (Vietnam)	5	x	Proceedings of The Asian Regional Conference on Digital GMS, 26-28 February, 2003, Asian Institute of Technology, Bangkok, Thailand			Tháng 2/2003, 149-155	2003
2.	Assessment of coastal vulnerability for environmental planning and management (case study in Hai Phong)	3	x	Proceedings of International workshop Hanoi Geoengineering 2005: Intergrated Geoengineering for a Sustainable Infrastructure Development			Tháng 11/2005, 222-227	2005
3.	Đánh giá tồn thương phục vụ cho quy hoạch và quản lý môi trường (Lấy thí dụ ở thành phố Hải Phòng và phụ cận)	3	x		Tạp chí Các Khoa học về Trái đất, ISSN 0886-7187 Thuộc danh mục eSCI		I (T.28)/2006, 1-10	2006

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Các công trình là đồng tác giả								
4.	Land cover changes in the extended Ha Long city area, North-eastern Vietnam during the period 1988-1998	6			Environment, Development and Sustainability, IF=1.676 (2018) Thuộc danh mục SCI-E	2	2, 235-252	2000
5.	Khả năng ứng dụng của hệ thống thông tin địa lý trong đánh giá môi trường chiến lược và tác động tích đòn	4		Thông báo khoa học của các trường Đại học, ISSN.0868.3034			15-25	2001
6.	Về đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam	3		Tuyển tập các công trình nghiên cứu địa lý - Kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Địa lý			431-448	2003
7.	Using remote sensing techniques for coastal zone management in Halong Bay (Vietnam)	3		Proceedings of Symposium GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences			GIS-IDEA 2	2004

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ								
Các công trình là tác giả chính								
8.	Ứng dụng hệ thông tin địa lý cho đánh giá môi trường chiến lược ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	2	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 3, ISBN: 978-604-913-513-2			Tháng 12/2008, 988-994	2008
9.	Application GIS on environmental zoning and management (Case study in Sontay, Hanoi, Vietnam)	1	x	Proceeding of the 7 th FIG Regional Conference: Spatial Data Serving People: Land Governance and the Environment - Building the Capacity			3683-3695	2009
10.	Environmental Sensity Map and Geographic Response Plan in Haiphong Coastal Area	1	x	Proceedings of The 10th International Conference of Southeast Asian Geography Association (SEAGA 10)			414-419	2010
11.	Measurement of effected factors on landslide in Ho Chi Minh road by using weight evidence model and GIS	1	x	Proceedings of International Symposium GeoInformatics for Spatial-Infrastructure			GIS-IDEA 5, 291-298	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
				Development in Earth and Allied Sciences, ISBN 978-4-901668-76-7				
12.	Nghiên cứu thử nghiệm mô hình lý thuyết dự báo các vùng có nguy cơ trượt lở đất trong điều kiện Việt Nam (lấy thí dụ cho huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị)	7	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5			880-888	2010
13.	Sustainability assessment for solar plant and wind power projects for Con Co Island, Quang Tri province, Vietnam	12	x		Environmental Engineering and Management Journal, 5-Year Impact Factor: 0.936	3	Vol. 10, No. 5, 655-663	2011
14.	Nghiên cứu, đánh giá tình trạng hạn hán, thiếu nước và đề xuất giải pháp đảm bảo nguồn nước phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Đăk Nông	16	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 6			523-532	2012
15.	Tiếp cận đánh giá nhạy cảm hoang mạc hóa bằng phân tích đa chỉ tiêu trong hệ thông tin địa lý (Lấy thí dụ khu vực ven biển tỉnh BT	1	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 7, ISBN: 978-604-915-044-9			927-933	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
16.	Áp dụng chỉ số thực vật (NDVI) của ảnh Landsat đánh giá hoang mạc hóa tỉnh Bình Thuận	1	x		Tạp chí Các Khoa học về Trái đất, ISSN 0886-7187 Thuộc danh mục eSCI	4	(T.35)/2013, 357-363	2013
17.	An integrated and quantitative vulnerability assessment for proactive hazard response and sustainability: a case study on the Chan May-Lang Co Gulf area, Central Vietnam	5	x		Sustainability Science, SJR 2019 = 1.45 (Q1); IF = 5.209 (5-year 2018) ISSN: 1862-4065 (print version) ISSN: 1862-4057 (electronic version) Thuộc danh mục SCI-E	9, 399-409 DOI 10.1007/s11625-013-0221-9	2014	
18.	Đánh giá mức độ tồn thương con người do biến đổi nhiệt làm cơ sở định hướng giải pháp chủ động thích ứng biến đổi khí hậu cho vùng Bắc Trung bộ, Việt Nam	3	x	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Biến đổi khí hậu: Đánh giá tác động, tính dễ bị tồn thương và đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu		140-149	2014	
19.	Đánh giá tình trạng canh tác đất nông nghiệp trong mùa khô phục vụ định hướng	5	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 8,		401-407	2014	

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	phát triển thủy lợi tỉnh Bình Thuận bằng từ liệu ảnh Landsat			ISBN: 978-604-918-437-6				
20.	Assessment of the Irrigation Capacity during the Dry Season Using Remote Sensing and Geographical Information (Case Study in the Binh Thuan Province, Vietnam)	3	x		International Journal of Geosciences, IF=0.9	1	6, 1214-1220 DOI: 10.4236/ijg.2015.611095	2015
21.	Assess the status of cultivated agricultural land in dry season for oriented irrigation development in Binh Thuan province using landsat images	3	x	Báo cáo khoa học Hội thảo VAST-AIST lần thứ 7 “Hợp tác nghiên cứu: đánh giá, định hướng tương lai”, ISBN: 978-604-913-421-0			397-406	2015
22.	Tổng quan các hướng nghiên cứu sử dụng tư liệu viễn thám siêu phô để định lượng tính chất của tài nguyên và môi trường	1	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 9, ISBN: 978-604-913-513-2			1079-1089	2016
23.	Spatial Indicators for Environmental Sensitivity to Desertification in the Binh Thuan Province of Vietnam	3	x	Abstracts of International conference on earth observations and societal impacts			ICEO&SI 2017, 57	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
24.	Evaluation the Vulnerability of the Tropical Cyclones in the Coastal Areas (Case Study in Da Nang City, Vietnam)	2	x	Abstracts of International conference on earth observations and societal impacts			ICEO&SI 2017, 58	2017
25.	Ứng dụng viễn thám siêu phô trong nghiên cứu địa lý, địa chất: Tổng quan và định hướng nghiên cứu	1	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 10, ISBN: 978-604-913-693-1			1305-1313	2018
26.	So sánh sự phân bố mưa trên lưu vực sông Cả theo dữ liệu mưa vệ tinh và dữ liệu đo mặt đất	2	x	Tuyển tập Báo cáo Hội nghị Quốc gia về Khoa học Địa lý, ISBN: 978-604-913-773-0			138-146	2018
27.	Spatial indicators for desertification in south-east Vietnam	3	x		Natural Hazards and Earth System Sciences (NH ESS), IF 5-year = 3.321 Thuộc danh mục SCI-E		19(10): 2325-2337 DOI: 10.5194/nhess-19-2325	2019
28.	Đặc điểm phô đất và ứng dụng trong lập bản đồ nhiễm mặn đất: Tổng quan nghiên cứu	1	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI, ISBN: 978-604-9822-65-0			978-986	2019
29.	Đánh giá khả năng lập bản đồ nhiễm mặn đất bằng tư liệu viễn thám	10	x	Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn			1016-1024	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	đa phô (lấy thí dụ ở vùng ven biển Hải Phòng - Thái Bình)			quốc lần thứ XI, ISBN: 978-604-9822-64-3				
Các công trình là đồng tác giả								
30.	Geographical information system and remote sensing data based for mapping ecological unit in management of coastal sandy soil in central Vietnam	5		Proceedings of International Symposium GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences			GIS-IDEA 3	2006
31.	Prediction landslide hazard by using slope stability model (case study in Huonghoa, Quangtri province, Vietnam)	3		Proceedings of International Symposium GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences			GIS-IDEA 5, 331-336	2010
32.	Ứng dụng phương pháp viễn thám INSAR vi phân trong quan trắc lún đất do khai thác nước ngầm ở Hà Nội	8		Kỷ yếu Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 5			1340-3148	2010
33.	Developing geospatial model and remote sensing data for flash flood forecast (the pilot area in Huong Son district, Hatinh Province, Vietnam)	3		Proceedings of The10th International Conference of Southeast Asian Geography Association (SEAGA 10)			583-591	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
34.	Đánh giá tích hợp mức độ tổn thương vùng biển ven bờ Việt Nam nhằm quản lý, sử dụng hợp lí tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững	8		Hội nghị Khoa học và Công nghệ Biển toàn quốc lần thứ V, Hà Nội, 20-22/10, 2011,			633-645	2011
35.	Integrated vulnerability assessment of natural resources and environment for sustainable development of Vietnam coastal zone	5		VNU Journal of Science, Earth Sciences, ISSN 0866-8612			Vol. 27, No. 1S, pp. 114-124	2011
36.	Vulnerability assessment of Ba Lat Delta Coastal zone to sea level rise and climate change	3		Proceedings of Symposium GeoInformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences, ISBN 978-4-901668-76-7			GIS-IDEA 6, 169-174	2012
37.	Ảnh hưởng của điều kiện khí hậu đến năng suất ngô trên đất nâu đỏ trên đá bazan tỉnh Đăk Nông	2		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581			Tháng 10/2012, 177-182	2012
38.	Cơ sở dữ liệu hệ thông tin địa lý và tập bản đồ hạn hán, thiếu nước sinh hoạt tỉnh Đăk Nông	6		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 6,			Tháng 9/2012, 342-347	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
39.	Forecasting vulnerability of nature resources and environment to 0.5 m sea level rise for proactive hazard response of Vietnam coastal zone	5		Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering, Vietnam National University Publisher, Hanoi, ISBN 978-604-934-563-0			155-162	2013
40.	Natural resource sustainable use for proactive response to natural disasters in the context of climate change in Vietnam: a case study of Ban Diu and Tan Nam communes, Ha Giang province	11		Proceedings of 13th International Symposium on Mineral Exploration: Toward Sustainable Society with Natural Resources - Frontiers in Earth Resources Technologies and Environmental Conservation			155-162	2014
41.	Các mô hình đô thị ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu: kinh nghiệm quốc tế và áp dụng cho Việt Nam	11		TC Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, ISSN 0866-8612			Tập 30, số 2S (2014) 222-234	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
42.	Natural resource sustainable use for proactive response to natural disasters in the context of climate change in Vietnam: a case study of Ban Diu and Tan Nam communes, Ha Giang province	11		Proceedings of 13th International Symposium on Mineral Exploration: Toward Sustainable Society with Natural Resources - Frontiers in Earth Resources Technologies and Environmental Conservation			155-162	2014
43.	The status of invasive plants and animals in Cu Lao Cham biosphere reserve, Quang Nam province, Vietnam	4		Tạp chí Sinh học 2017, ISSN: 0866-7160			39 (4): 434-450 DOI: 10.15625/0866-7160/v39n4.10082	2017
44.	Xác lập luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế - xã hội ở các khu dự trữ sinh quyển, vận dụng vào khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm - Hội An	5		Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường, ISSN 0866-7608			Số 24, tháng 3/2019, 92-103	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 06 bài

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Bộ chỉ số khả năng thích ứng, quy trình đánh giá tồn thương và mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Cục Sở hữu trí tuệ	06/11/2015	Đồng tác giả	6

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 01

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải thưởng Sinh viên nghiên cứu Khoa học năm 1994	Bộ Giáo dục Đào tạo	29/11/1994	1

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 0

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

+ Tham gia xây dựng 01 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo Học Viện Khoa học và Công nghệ

+ Tham gia phát triển (chỉnh sửa): 02 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo Học Viện Khoa học và Công nghệ

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng

ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác
giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Hà Nội , ngày 22 tháng 6 năm 2020
NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Thị Thu Hiền